TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 11-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Tạo**

2. Ông **Huỳnh Phước**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Văn Như** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông **Trầm Minh Khang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 05 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 05 năm 2018 đối với bị cáo:

Tr R H; Tên gọi khác: Hoàng Rô. Giới tính: Nam; Sinh năm: 1972; Đăng ký thường trú: Số 00 đường H, khóm 6, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kh’mer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm hồ;Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Tr R S Ph (chết) và bà: Danh Thị L (chết). Anh chị em ruột: có 05 người, có một người đã chết, còn lại 04 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1983; Họ và tên vợ: Lê Thị Nương, sinh năm 1982; Con: Có 06 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự, tiền án: Không ; Về nhân thân: Lần thứ nhất vào năm 1992 bị Tòa án nhân dân thị xã Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng) xử phạt 18 tháng tù, về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong năm 1993; lần thứ hai vào năm 1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù, về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong năm 1997, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, bị tạm giữ từ ngày 22 tháng 02 năm 2018

sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt)

- *Người bị hại*: **L V Th** , sinh năm 1982; Đăng ký thường trú: Số 01 đường A, Khóm 5, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. **Ngô Minh D**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 00 đường B, Khóm 5, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Chổ ở: số 00 đường C, Khóm 6, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2. **Phạm Minh H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp 01, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

3. **Thạch Thị Ngọc H** sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 00 đường C, Khóm 4, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

4. Bà **Huỳnh Thị A**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số B đường K, Khóm 2, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 16 tháng 7 năm 2017, Tr R H, L V Th, Ngô Minh D, Phạm Minh H, Thạch Thị Ngọc H, Liêu G rủ nhau đến quán Lập Lẩu Bò, tại địa chỉ số B, K, khóm 2, phường 7, thành phố Sóc Trăng do bà Huỳnh Thị A làm chủ để nhậu.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì anh D nghỉ nhậu và đi ra quán võng cặp nằm, lúc này H kêu anh Th chở D về nhà giùm nhưng Th không đồng ý. Thấy anh Th không thực hiện theo lời của mình nên H tức giận dùng hai tay bưng nồi nước lẩu đang sôi trên bàn nhậu tạt vào người của anh Th làm anh Th bị bỏng rồi bỏ trốn, những người xung quanh thấy vậy nên giúp anh Thuận sơ cứu và đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng để cấp cứu, đến ngày 18 tháng 7 năm 2017 thì xuất viện. Còn H bỏ trốn đến ngày 22 tháng 02 năm 2018 khi H trở về địa phương thì bị bắt. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra thì H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên và khai nhận do tức giận anh Th không chịu chở D về giùm mà còn chửi H nên đã dùng thau nước lẩu bò đang sôi tạt vào người của Th với mục đích để gây thương tích cho anh Th.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 177 ngày 29/9/2017 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Anh Lưu Vinh Th bị các vết sẹo bỏng gồm: sẹo bỏng tại vùng mặt và trán khoảng 03% diện tích da gây ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mặt; sẹo bỏng độ I, II vùng mặt trước 02 vai, ngực và bụng khoảng 14% diện tích da; sẹo bỏng độ I, II vùng mặt trước cẳng

tay trái khoảng 03% diện tích da; sẹo bỏng độ I, II vùng mặt trước cẳng tay phải khoảng 01% diện tích da. Tổng tỷ lệ thương tích gây nên từ các vết thương là 33%.

Tại bản Cáo trạng số 26 /VKS.TPST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Tr R H về tội "Cố ý gây thương tích" theo c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là đúng với hành vi của bị cáo thực hiện.

Tại tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tr R H phạm tội "Cố ý gây thương tích"; đề nghị áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7; điểm c Khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổi sung năm 2017); khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33; Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo; xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng vào Điều 584; 585 và 590 Bộ luật dân sự 2015: Bị hại Lưu Vinh Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền điều trị và tiền công lao động của bản thân và người chăm sóc trong thời gian nằm viện với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, bị cáo Tr R H thống nhất bồi thường số tiền trên nên đề nghị ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại.

Về vật chứng: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý: 01 cái thao bằng kim loại màu trắng là dụng cụ mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2]. Đối với việc vắng mặt người làm chứng đã có lời khai làm rõ tình tiết trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng gì tính quyết định của vụ án. Căn cứ vào

Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng.

[3].Tại phiên tòa bị cáo Tr R H khai nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày 16 tháng 7 năm 2017, trong lúc bị cáo và bạn bè đang nhậu, anh D nghỉ nhậu thì bị cáo kêu anh Th chở anh D về nhà nhưng anh Th không đồng ý. Bị cáo tức giận dùng hai tay bưng nồi nước lẩu đang sôi trên bàn nhậu tạt vào người của anh Th làm anh Th bị bỏng. Qua giám định người bị hại thương tích gây nên là 33%. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, các chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bị cáo Bị cáo Tr R H và bị hại Lưu Vinh Th không có mâu thuẫn gì với nhau từ trước, nhưng trong quá trình nhậu chung, chỉ vì tức giận chuyện anh Th không đồng ý chở anh Ngô Minh D về nhà theo lời của mình mà bị cáo H đã dùng thau đựng nước lẩu đang sôi tạt vào người của anh Th gây thương tích 33%. Hành vị của bị cáo đã phạm tội thuộc tình tiết định khung có tính chất côn đồ. Nên Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Tr R H phạm tội "cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Căn cứ Nghị quyết số 41 của Quốc Hội khóa 14, áp dụng có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năn 2017) hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năn 2017) thì hành vi của bị cáo phạm tội tương ứng theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năn 2017) là có lợi cho bị cáo nên cần áp dụng đối với bị cáo. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố đối với hành vi của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân bị cáo 02 tiền án đã được xóa án tích. Xét các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo; Bị cáo là người dân tộc Khmer. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1,2 Điều 46 của Bộ luật hình sự cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Tr R H đồng ý bồi thường cho người bị hại Lưu Vinh Th số tiền 20.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ tại hiện trường: 01 cái thao bằng kim loại màu trắng là dụng cụ mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo và người bị hại thỏa thuận với nhau tại giai đoạn điều tra về trách nhiệm bồi thương nên bị cáo không phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Xét Kiểm sát viên đề nghị về tội danh và áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về mức hình phạt cần xử phạt ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, tương xứng với mức độ hành vi, hậu quả bị cáo gây ra.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33; Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7; điểm c Khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổi sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 584; 585 và 590 Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

[1] Tuyên bố: Bị cáo Tr R H phạm tội "Cố ý gây thương tích";

[2]. Xử phạt bị cáo Tr R H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 02 năm 2018.

[3]. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Tr R H đồng ý bồi thường cho người bị hại Lưu Vinh Th số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

[4] Xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cái thao màu trắng bằng kim loại, đường kính 70cm, cao 09cm.

[5]. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, người bị hại được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan thi hành án hình sự CATP Sóc Trăng;
- Chi Cục thi hành án dân sự TP. Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phan Văn Tạo **Huỳnh Phước** **Lâm Tấn Vinh**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c

khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau: